

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 675/TTr-TNMT ngày 30/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Xưởng đóng gói hoàn thiện sản phẩm cà phê Trung Nguyên” tại Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Xưởng đóng gói hoàn thiện sản phẩm cà phê Trung Nguyên

1.2. Chủ dự án: Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số chi nhánh 3700544850-002 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/4/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/6/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6757385526 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 16/5/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 17/8/2023.

1.5. Mã số thuế: 3700544850-002

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản phẩm cà phê hòa tan của các nhãn hàng: G7, Capuccino, Pasiona.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích khoảng 40.606 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản phẩm cà phê hòa tan của các nhãn hàng: G7, Capuccino, Pasiona với quy mô 30.000 tấn/năm trong đó:

++ Cà phê nhãn hiệu G7: 24.000 tấn/năm

++ Cà phê nhãn hiệu Capuccino: 3.000 tấn/năm.

++ Cà phê nhãn hiệu Pasiona: 3.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường.

1. Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xưởng đóng gói hoàn thiện sản phẩm cà phê Trung Nguyên” tại Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Xưởng đóng gói hoàn thiện sản phẩm cà phê Trung Nguyên” tại Lô B(B2), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 1010/QĐ-TNMT ngày 10/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang; UBND huyện Việt Yên; Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải phát sinh của Chi nhánh Công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang được thu gom vào trạm xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm (gồm 2 module: 01 module xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 55 m³/ngày đêm và 01 module xử lý nước thải sản xuất với công suất 5 m³/ngày đêm) để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu (do Công ty cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường, dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 10m³/bể, sau đó theo đường ống HDPE D60, chiều dài khoảng 190 m dẫn về bể chứa trung gian 17 m³, rồi bơm về bể tự hoại 100m³, sau đó về trạm xử lý qua module xử lý nước thải sinh hoạt công suất 55m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ 3 ngăn, thể tích 7m³, sau đó theo đường ống HDPE D60, chiều dài 20m dẫn về bể chứa trung gian 17 m³ cùng với nước thải nhà vệ sinh để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: từ khu vực rửa thiết bị được dẫn về trạm xử lý qua module xử lý nước thải sản xuất với công suất 05m³/ngày đêm bằng đường ống HDPE D140, chiều dài khoảng 288m để xử lý, sau đó đầu nối sang Bể lắng lọc

và khử trùng của module xử lý nước thải sinh hoạt của trạm xử lý nước thải để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ) → Bể điều hoà → Ngăn lọc yếm khí 1 → Ngăn lọc yếm khí 2 → Ngăn lọc tiếp xúc hiếu khí 1 → Ngăn lọc tiếp xúc hiếu khí 2 → Bể lắng lọc và khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung.

+ Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng lọc và khử trùng của module xử lý nước thải sinh hoạt của trạm xử lý nước thải.

- Quy trình xử lý chung nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → Bể lắng lọc và khử trùng → Hồ ga xả nước thải đầu nối với Hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (do công ty cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang quản lý) (Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Châu).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý kết hợp sinh học

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm (gồm 02 module: module xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 55 m³/ngày đêm và module xử lý nước thải sản xuất với công suất 05 m³/ngày đêm).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hóa chất xử lý màu H₂O₂ 67 lít/tháng;

+ Hóa chất keo tụ PAC vàng chanh 57 kg/tháng;

+ Sắt (II) sunfat Fe₂SO₄ 25 kg/tháng;

+ Hóa chất kiềm NaOH 75 kg/tháng;

+ Hóa chất axit H₂SO₄ 90 lít/tháng;

+ Hóa chất khử trùng Javen 67 lít/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra,

biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc trạm xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hoạt động của các phụ tải điện, tránh hiện tượng trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Quang Châu; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý KCN Quang Châu khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử

lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án vào trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m³/ngày đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng của dự án.

- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại khu vực trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ toạ độ VN2000, trục kinh tuyến 107^0 , múi chiếu 3^0).

+ Vị trí số 01: Tại khu vực xưởng sản xuất. Toạ độ: X = 2347248; Y = 407212.

+ Vị trí số 02: Tại khu vực trạm xử lý nước thải. Toạ độ: X = 2347325; Y = 404314.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt máy móc, lắp đặt chân đệm cao su

giảm rung động, ồn.

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...

- Bố trí thời gian làm việc cho cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.

- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.

- Ngoài ra bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	20
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Kg/năm	80
3	Dầu động cơ thải	17 02 03	Kg/năm	100
4	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg/năm	60
5	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải	12 06 05	Kg/năm	11.000
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg/năm	120
Tổng				11.380

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên gồm:

- Chất thải sản xuất thông thường phát sinh gồm: giấy vụn, bìa các tông, túi nilong,... khoảng 100 kg/ngày.

- Phế phẩm trong quá trình sản xuất gồm đường, bột cà phê,... rơi vãi trong quá trình chiết rót, đóng gói... khoảng 01 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 120kg/ngày tương đương với 43.800 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

- Bố trí 6 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng-200 lít/thùng, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

Riêng đối với bể chứa bùn thải từ trạm xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn thể tích 2,86m³, bể xây bằng gạch, bê tông cốt thép.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 13m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che tôn, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH, nền láng xi măng; bên ngoài cửa có dán biển cảnh báo theo quy định, có rãnh chống tràn thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố với kích thước 20x20cm. Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 15 bao tải dứa, dung tích khoảng 50-100 lít/bao để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 01 kho chứa diện tích 72m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây bằng gạch, nền xi măng, có mái che tôn, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 3 ngày/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích khoảng dung tích 15 - 20 lít/thùng đặt tại khu vực nhà vệ sinh, khu vực nhà ăn và văn phòng,... để thu gom chất thải rắn sinh hoạt sau đó tập kết 02 thùng chứa, dung tích 660 lít/thùng và bao chứa.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: khoảng 12m²
- Thiết kế: Kho xây bằng gạch, nền bê tông, có mái che bằng tôn, trên cửa có dán biển tên đúng quy cách, được bố trí bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất dự kiến khoảng 02 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho trạm xử lý. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chi nhánh công ty cổ phần cà phê hòa tan Trung Nguyên tại Bắc Giang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Vận hành trạm xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực xung quanh.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 675/TTr-TNMT ngày 30/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.